

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04/9/2024
“V/v Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Niê Y Ling (Ma Bin) và ông Dương Tấn Lãnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mạ – Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21/02/2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2024 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 10/2024/QĐ-CA ngày 30/8/2024 của TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Ánh T, sinh năm 1988; đăng ký HKTT: Khu phố A, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ nơi ở: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên; nơi làm việc: Khu phố B, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Ánh T (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh Nguyễn Văn D (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 22/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc,

đến năm 2020 mâu thuẫn do chồng không tập trung làm ăn, ham chơi, nguyên đơn khuyên can thì bị đơn nhiều lần đuổi ra khỏi nhà, không đi thì gọi cha mẹ vợ chửi, lần gần nhất là vào ngày 16/02/2024 (mùng 3 Tết) bị đơn đã đuổi nguyên đơn đi về ngoại từ đó đến nay sống ly thân. Trước khi đuổi nguyên đơn đi bị đơn đã yêu cầu làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bị đơn đã thống nhất ký đơn và nộp cho Tòa nhưng sau đó bị đơn không đến Tòa giải quyết, cố tình làm khó nên nguyên đơn đã làm đơn ly hôn đơn phương. Xét thấy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân được khoảng 6 tháng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Trà M, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 02/4/2013. Các con có nguyện vọng muốn được sống với mẹ nên khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa chỉ có văn bản ghi ý kiến không thống nhất ly hôn, vì còn thương vợ, con; việc ký đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là do nhất thời nóng giận; bị đơn đã nhiều lần khuyên vợ quay về nhưng vợ không chịu về. Nếu phải ly hôn thì bị đơn muốn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân, con chung, tài sản chung; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 02/4/2013 cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên, theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36 quyền số 01/07 ngày 22/11/2007 nên xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hai bên đến Tòa để hoà giải nhưng bị đơn không đến chỉ có văn bản ghi ý kiến không thống nhất ly hôn, vì còn thương vợ, con; việc ký đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là do nhất thời nóng giận; bị đơn đã nhiều lần khuyên vợ quay về nhưng vợ không chịu. Nếu phải ly hôn thì bị đơn có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Biên bản xác minh ngày 23/7/2024 Hội phụ nữ thị trấn H cung cấp: Do vợ chồng cãi nhau nên nguyên đơn bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ sinh sống từ sau Tết Nguyên đán đến nay. Trước đó, nguyên đơn cũng đã nhiều lần dọn đồ đạc bỏ về nhà bố mẹ đẻ do vợ chồng mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án con chung của vợ chồng và cha vợ có gửi cho Tòa án bản tường trình trình bày quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn, việc nguyên đơn bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống là đúng. Hơn nữa, tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2024, bị đơn cũng xác nhận vợ chồng có cãi nhau dẫn đến vợ, con bỏ về nhà ngoại từ sau Tết Nguyên đán đến nay. Bị đơn cũng đã nhiều lần khuyên vợ về nhà nhưng không được.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không thống nhất tiếp tục chung sống với bị đơn vì vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2024 đến nay, không còn tình cảm.

Từ những căn cứ trên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn là đúng sự thật. Bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không thuyết phục được nguyên đơn rút đơn về chung sống lại với nhau. Xét hôn nhân là sự tự nguyện chung sống của cả hai bên, cùng hướng tới mục đích xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng nguyên đơn cảm thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, đã sống ly thân nên xin ly hôn. Do đó, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung: Nguyễn Trà M, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 02/4/2013. Xét nguyện vọng của các con khi cha mẹ ly hôn mong muốn được tiếp tục sống với mẹ và nguyên đơn cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Bị đơn cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng các con không đồng ý sống với cha. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 02/4/2013 cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại biên lai thu số 0010951 ngày 21/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị Ánh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Hoàng Thị Ánh T được ly hôn bị đơn Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 02/4/2013 cho nguyên đơn Hoàng Thị Ánh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bị đơn Nguyễn Văn D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét

4. Về án phí: Nguyên đơn Hoàng Thị Ánh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại biên lai thu số 0010951 ngày 21/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- UBND xã Đức Bình Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BẢN THỊ TIÊN

